

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2023

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Bà Nguyễn Ngọc N

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đoàn Thị Cẩm B, sinh năm 1988

Nơi cư trú: ấp Kênh Giữa, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A

2. Bị đơn: anh Phan Văn N, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: ấp Kênh Giữa, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Phan Văn N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Tuy nhiên, đến thời gian gần đây, khoảng cuối năm 2020 thì giữa vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm lẫn tiền bạc. Chị B đã cố gắng nhường nhịn để gia đình được êm ấm, hạnh phúc nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Hiện nay Chị B xác định không thể tiếp tục nhường nhịn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Phan Văn N có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm Y, sinh ngày 18/7/2009 và Phan Văn Tấn P, sinh ngày 26/7/2014. Khi ly hôn, Chị B yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Cẩm Y và đồng ý giao con chung tên Phan Văn Tấn P cho anh Phan Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Phan Văn N, anh N trình bày tại bản tự khai ngày 04/11/2022 như sau: Anh N có mong muốn vợ chồng hàn gắn lại, không muốn vợ chồng ly hôn để các con có đầy đủ cha và mẹ, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau để cùng nuôi dạy con nên người. Anh N xác định giữa vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có mâu thuẫn gì lớn. Anh N đề nghị xem xét giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Trong trường hợp Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh, nếu Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị B thì anh đồng ý giữa anh và Chị B mỗi người sẽ trực tiếp nuôi 01 con chung theo nguyện vọng của Chị B và của con chung. Về tài sản chung anh N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Phan Văn N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Phan Văn N kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A, vào sổ đăng ký kết hôn số 117, quyển số 01 ngày 18/10/2010 nên quan hệ hôn nhân của Chị B và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Chị Đoàn Thị Cẩm B trình bày trong thời gian chung sống, giữa Chị B và anh N chung sống với nhau có hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân từ những mâu thuẫn về tình cảm, về tiền bạc. Mâu thuẫn chủ yếu là về tiền bạc, kinh tế trong gia đình do anh N tính toán, chi ly trong quản lý tiền bạc, nghi ngờ Chị B mang tiền về gia đình của chị. Chị B đã nhẫn nhịn để vợ chồng cùng chung sống nuôi dạy các con. Tuy nhiên, anh N vẫn không thay đổi quan điểm và mâu thuẫn ngày càng nhiều nên Chị B đã nộp đơn ly hôn. Anh N đã đề nghị hàn gắn để anh sửa đổi nên Chị B đã rút đơn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình tại quyết định đình chỉ số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn. Chị B và anh N đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị B và anh N đã đến mức trầm trọng, Chị B không còn tình cảm với anh N, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng nên đời sống chung không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B đã nộp đơn đề nghị ly hôn với anh N đây là lần thứ hai. Trước yêu cầu xin ly hôn của Chị B, anh N có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm để vợ chồng trở về chung sống với nhau, cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên, trong thời gian qua anh N không có giải pháp nào để Chị B thay đổi quan điểm, đồng ý đoàn tụ với anh. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh N không đến dự hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Trong khi đó, Chị B vẫn giữ nguyên quan điểm và thể hiện ý chí cương quyết xin ly hôn với anh N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Chị B có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Phan Văn N có 02 con chung tên Phan Thị Cẩm Y, sinh ngày 18/7/2009 và Phan Văn Tấn P, sinh ngày 26/7/2014. Trong thời gian vợ chồng không sống chung với nhau, Chị B trực tiếp nuôi cháu Phan Thị Cẩm Y. Anh N trực tiếp nuôi cháu Phan Văn Tấn P. Khi ly hôn, Chị B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu Phan Văn Tấn P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy Phan Thị Cẩm Y có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, cháu Phan Văn Tấn P có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Anh N cũng đã có văn bản trình bày ý kiến thống nhất về việc anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, Chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y trong trường hợp Chị B vẫn cương quyết xin ly hôn và Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị B. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Chị B về việc giải quyết nuôi con chung.

Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Phan Văn N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N cũng không có ý kiến, yêu cầu về tài sản chung nên không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Đoàn Thị Cẩm B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Cẩm B: Chị Đoàn Thị Cẩm B được ly hôn với anh Phan Văn N.

2. Về con chung:

Chị Đoàn Thị Cẩm B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Phan Thị Cẩm Y, sinh ngày 18/7/2009.

Anh Phan Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Phan Văn Tấn P, sinh ngày 26/7/2014.

Sau khi ly hôn, chị Đoàn Thị Cẩm B anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đoàn Thị Cẩm B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Chị B đã nộp theo biên lai thu số 0004444 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc A